| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**<br>Bản án số: 05/2026/DS-ST<br>Ngày 05-02-2026<br>*V/v: Kiện đòi tài sản* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Phan Thị Dương Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Ngô Văn Tuyển; ông Phạm Xuân Vinh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nhị - chức vụ: Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Khánh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 72/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026, giữa:

***- Nguyên đơn:*** Ông Vũ Văn B, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn 10A, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Văn B:* Ông Phạm Hải D, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ dân phố 2B, xã E1, tỉnh Đắk Lắk. *(Có mặt)*

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Đình V, sinh năm 1982 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1981. Cùng địa chỉ: Thôn 13A, xã E, tỉnh Đắk Lắk. *(Ông Vinh có mặt; bà Liệu vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Phạm Hải là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Văn Btrình bày:*

Ông Vũ Văn B với ông Nguyễn Đình V và bà Vũ Thị L là chỗ quen biết nhau. Do là chỗ quen biết nên vào ngày 06/5/2010, ông Nguyễn Đình V và bà Vũ Thị L có vay của ông Vũ Văn B 1000 kg (Một nghìn kilôgam) cà phê nhân. Hai bên thỏa thuận đến ngày 20/12/2010, ông V và bà L sẽ hoàn trả đầy đủ cho ông Vũ Văn B số cà phê nhân đã vay và trả thêm 200kg (Hai trăm kilôgam) nửa. Tuy nhiên, đến hạn trả thì ông V, bà L không có cà phê để trả nên vào ngày 10/2/2011, ông V và bà L tiếp tục viết giấy biên nhận hẹn đến ngày 20/11/2011 (âm lịch) sẽ trả cho ông Vũ Văn B tổng cộng 1400kg (Một nghìn bốn trăm kilôgam) cà phê nhân.

Đến hạn trả vào ngày 20/11/2011 (âm lịch) thì ông V, bà L vẫn không trả. Và từ đó cho đến nay ông B đã nhiều lần yêu cầu ông V, bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông bà cứ hứa hẹn và không trả.

Vì vậy, ông Vũ Văn B đã làm đơn khởi kiện ông Nguyễn Đình V, bà Vũ Thị L đến Tòa án đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc ông Nguyễn Đình V và bà Vũ Thị L trả lại cho ông Vũ Văn B số cà phê nhân xô còn nợ là 1400kg (một nghìn bốn trăm kilôgam), trong đó: 1000kg (một nghìn kilôgam) là số cà phê ông V, bà Lđã vay và 400kg (bốn trăm kilôgam) là số cà phê nhân ông V, bà L cam kết trả thêm. Trường hợp ông Nguyễn Đình V và bà Vũ Thị L không có cà phê để trả thì buộc ông V, bà L thanh toán bằng tiền tương ứng theo giá thị trường, tạm tính: 115.000 đồng/kg x 1400kg = 161.000.000 đồng (một trăm sáu mươi mốt triệu đồng).

Tại phiên tòa ông V khai có trả được cho ông B 200kg cà phê nhân là hoàn toàn không có.

Quá trình làm việc và tại phiên tòa thì ông Phạm Hải D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Văn B nêu nguyên đơn ông Vũ Văn B có nguyện vọng là đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Buộc ông Nguyễn Đình V và bà Vũ Thị L trả lại cho ông Vũ Văn B số cà phê nhân xô còn nợ là 1400kg (Một nghìn bốn trăm kilôgam), trong đó: 1000kg (Một nghìn kilôgam) là cà phê nhân gốc ông V, bà L đã mượn và 400kg (Bốn trăm kilôgam) là cà phê nhân ông V, bà L cam kết trả thêm.

Ông B không yêu cầu quy trả thành tiền đối với số cà phê nhân xô mà ông V, bà L còn nợ ông B. Ngoài ra ông B không yêu cầu gì thêm.

** Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Đình V trình bày:*

Tôi với bà Vũ Thị L là vợ chồng. Vợ chồng tôi với ông Vũ Văn B có mối quan hệ quen biết nhau. Trong quá trình quen biết thì vào ngày 06/5/2010 vợ chồng tôi có mượn cà phê nhân xô của ông Vũ Văn B với số lượng là 1.000 kg (Một nghìn kilôgam). Việc mượn cà phê nhân xô của ông B thì vợ chồng chúng tôi có viết giấy biên nhận mượn cà nhân đề ngày 6/5/2010 và hẹn ngày trả là ngày 20/12/2010 sẽ trả, và trả thêm là 200kg (Hai trăm kilôgam) cà phê nhân. Giấy biên nhận mượn cà nhân có chữ viết ký tên của chúng tôi là Nguyễn Đình V - Vũ Thị L.

Đến hẹn theo giấy biên nhận mượn cà nhân đề ngày 6/5/2010 thì chúng tôi có trả được 400kg (Bốn trăm kilôgam) cà phê nhân cho ông B, đối với số lượng cà phê còn lại thì chưa trả. Sau đó giữa vợ chồng chúng tôi với ông B có viết lại giấy biên nhận nợ cà phê đề ngày 10/02/2011 của ông Vũ Văn B với tổng số lượng cà phê nhân xô mà chúng tôi nợ ông B là 1400kg (Một nghìn bốn trăm kilôgam) và hẹn ngày 20/11/2011 AL sẽ trả. Việc viết giấy biên nhận này có chữ viết của hai vợ chồng chúng tôi là Nguyễn Đình V - Vũ Thị L.

Đến hẹn theo giấy biên nhận "hẹn ngày 20/11/2011 AL sẽ trả" thì chúng tôi có đem trả cho ông B 1.000kg (Một nghìn kilôgam) cà phê nhân nhưng ông B không nhận mà ông yêu cầu phải trả đủ 1200kg cà phê nhân, ông chỉ cho chúng tôi nợ ông 200kg cà phê nhân. Do ông B không chịu lấy số cà phê nhân mà chúng tôi đem trả cho ông nên chúng tôi đã đem số cà phê nhân trên để trả cho người khác. Và chúng

tôi vẫn còn nợ ông tổng cộng 1400kg cà phê nhân (Một nghìn bốn trăm kilôgam) trong đó: 1000kg cà phê nhân gốc và 400kg cà phê nhân trả thêm. Sau đó thì chúng tôi cũng có trả được cho ông B 200kg cà phê nhân nhưng không có giấy tờ gì chứng minh đã trả được 200kg cà phê nhân cho ông B.

Nay ông Vũ Văn Bkhởi kiện chúng tôi (ông Nguyễn Đình V, bà Vũ Thị L) đến Tòa án với nội dung: "Buộc chúng tôi (ông Nguyễn Đình V và bà Vũ Thị L) trả lại cho ông Vũ Văn B số cà phê nhân xô còn nợ là 1400kg (Một nghìn bốn trăm kilôgam), trong đó: 1000kg (Một nghìn kilôgam) là cà phê nhân gốc đã mượn và 400kg (Bốn trăm kilôgam) là cà phê nhân cam kết trả thêm" thì tôi cũng như bà Vũ Thị L hoàn toàn đồng ý. Tuy nhiên hiện nay do điều kiện kinh tế gia đình chúng tôi khó khăn nên chúng tôi xin được trả dần. Ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

** Đối với bị đơn bà Vũ Thị L:* Mặc dù bà Vũ Thị L đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà không đến làm việc. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được lời khai của bà.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn, tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

*Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn bà Vũ Thị L vắng mặt là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Về nội dung:* Áp dụng Điều 5, khoản 2, 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn B.

Buộc ông Nguyễn Đình V, bà Vũ Thị L có trách nhiệm trả cho ông Vũ Văn B số cà phê nhân xô còn nợ là 1400kg (Một nghìn bốn trăm kilôgam), trong đó: 1000kg (Một nghìn kilôgam) là số cà phê ông V, bà L đã vay và 400kg (Bốn trăm kilôgam) là số cà phê nhân ông V, bà L cam kết trả thêm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

**[1]** Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Vũ Văn B Hội đồng xét xử xác định đây là: "Kiện đòi tài sản" được quy định tại khoản 2, 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Đình V, bà Vũ Thị L đăng ký nhân khẩu thường trú tại xã E, tỉnh Đắk Lắk. Nên căn cứ vào Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về sự tham gia của đương sự tại phiên tòa: Bà Vũ Thị L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn B đối với ông Nguyễn Đình V, bà Vũ Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Qua xem xét giấy tờ do nguyên đơn cung cấp cùng quá trình làm việc tại Tòa án thì cả nguyên đơn ông Vũ Văn B và bị đơn ông Nguyễn Đình V đều thừa nhận:

Vào ngày 06/5/2010 vợ chồng ông Nguyễn Đình V (gồm ông Nguyễn Đình V và bà Vũ Thị L) có mượn của ông Vũ Văn B cà phê nhân xô với số lượng là 1.000kg (Một nghìn kilôgam). Việc mượn cà phê nhân xô của ông B thì vợ chồng ông V có viết giấy biên nhận mượn cà nhân đề ngày 6/5/2010 và hẹn ngày trả là ngày 20/12/2010 sẽ trả, và trả thêm là 200kg (Hai trăm kilôgam) cà phê nhân. Giấy biên nhận mượn cà nhân có chữ viết ký tên của ông Nguyễn Đình V, bà Vũ Thị L. Đến hẹn theo giấy biên nhận mượn cà nhân thì ông V, bà L chưa trả. Sau đó giữa vợ chồng ông V với ông B có viết lại giấy biên nhận nợ cà phê đề ngày 10/02/2011 của ông Vũ Văn Bvới tổng số lượng cà phê nhân xô mà ông V, bà L nợ ông B là 1400kg (Một nghìn bốn trăm kilôgam) và hẹn ngày 20/11/2011 AL (Âm lịch) sẽ trả. Việc viết giấy biên nhận này có chữ viết của ông Nguyễn Đình V, bà Vũ Thị L. Tuy nhiên đến thời hạn trả và cho đến nay ông V, bà L vẫn chưa trả và vẫn còn nợ ông B tổng cộng 1400kg cà phê nhân (Một nghìn bốn trăm kilôgam) trong đó: 1000kg cà phê nhân gốc đã mượn và 400kg cà phê nhân trả thêm". Làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, các bên đều thừa nhận hiện nay ông V, bà L vẫn còn nợ ông B tổng cộng 1400kg cà phê nhân xô (Một nghìn bốn trăm kilôgam) trong đó: 1000kg cà phê nhân gốc và 400kg cà phê nhân trả thêm. Do đó xác định đây là những tình tiết được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, việc thỏa thuận mượn cà phê nhân xô giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội. Bị đơn ông V thừa nhận hiện nay ông V và bà L còn nợ số cà phê nhân xô đã mượn của ông B tổng cộng 1400kg cà phê nhân (Một nghìn bốn trăm kilôgam) trong đó: 1000kg cà phê nhân gốc đã mượn và 400kg cà phê nhân thỏa thuận trả thêm.

Tại khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự quy định: *"Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật…".*

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 166 của Bộ luật dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn B. Buộc ông Nguyễn Đình V và bà Vũ Thị L phải trả cho ông Vũ Văn B số cà phê nhân xô còn nợ là

1400kg (Một nghìn bốn trăm kilôgam), trong đó: 1000kg (Một nghìn kilôgam) là cà phê nhân ông V, bà L đã mượn và 400kg (Bốn trăm kilôgam) là cà phê nhân ông V, bà L cam kết trả thêm.

Giá cà phê nhân xô tại thời điểm xét xử (ngày 05/02/2026) để tính án phí là 95.500 đồng/kg, thành tiền là: 95.500 đồng/kg x 1.400kg phê cà nhân = 133.700.000 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Đình V, bà Vũ Thị L phải chịu 6.685.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch, theo mức tính: 133.700.000 đồng x 5% = 6.685.000 đồng.

Hoàn trả lại cho ông Vũ Văn B số tiền 4.025.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0002066 và số 0002069 ngày 10/10/2025.

[5] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2,3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 24, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn Bội.

Buộc ông Nguyễn Đình V và bà Vũ Thị L phải trả cho ông Vũ Văn B số cà phê nhân xô còn nợ là 1400kg (Một nghìn bốn trăm kilôgam), trong đó: 1000kg (Một nghìn kilôgam) là cà phê nhân ông V, bà L đã mượn và 400kg (Bốn trăm kilôgam) là cà phê nhân ông V, bà L cam kết trả thêm.

Kể từ ngày án ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải chịu thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Đình V và bà Vũ Thị L phải chịu 6.685.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Vũ Văn B số tiền 4.025.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0002066 và số 0002069 ngày 10/10/2025.

**3.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 4 - Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Phan Thị Dương Thanh**